

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2022

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Huy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 131/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2022, về: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Anh Trương Quang T, sinh năm: 1988

Hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2022, bản tự khai ngày 31/8/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Trương Quang T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Cam Phước Đông, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13, cấp ngày 23/02/2017. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm nhau. Chị N xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Quang T.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Trương Thiết Phong,

sinh ngày 07/8/2017. Hiện nay cháu Phong đang cùng sinh sống với chị N. Chị yêu cầu được trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phong và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N xác định không có nợ chung.

Bị đơn anh Trương Quang T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn anh Trương Quang T. Yêu cầu của chị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, các đương sự có nơi cư trú ổn định. Tài liệu chứng cứ đầy đủ đảm bảo cho việc giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ nên Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn.

Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị N và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13, cấp ngày 23/02/2017. Do đó, hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nhận thấy giữa chị N và anh T xảy ra mâu thuẫn, chị N và anh T không còn chung sống với nhau, chị N xác định tình cảm không còn nên chị N yêu cầu ly hôn anh T.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị N yêu cầu được ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị N yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt

của con. Cháu Phong hiện nay còn nhỏ và chị N đang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên yêu cầu của chị N là có cơ sở nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N xác định không có nợ chung.

[2.5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 320, Điều 321 và Điều 322 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trương Quang T.

2. *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Thiết Phong, sinh ngày 07/8/2017. Anh Trương Quang T tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, chị N và anh T hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị N nộp 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo thủ tục rút gọn về “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 150.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0007272 ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ.

Quy định: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị N, anh Trương Quang T có quyền kháng cáo trong hạn 07 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND xã Đ, thành phố C
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Huy